

Bản án số:250/2021/HNGĐ-ST
Ngày:12/11/2021.
V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP B-TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Kim Chi

Ông Trần Văn Chánh

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Thanh -Cán bộ Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đồng Nai.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP. B:

Ngày 12 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP B có mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 2715/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 195/2021/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 281/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021.

Nguyên đơn: **Ông Mai Văn N, sinh năm 1982.**

Bị đơn: **Bà Nguyễn Hồng A, sinh năm 1984.**

Địa chỉ: Tổ 25, khu phố 4A, phường Tr, TP. B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông N, bà A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2020, các lời khai tại hồ sơ ông N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà A kết hôn với nhau năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, TP. L, tỉnh Lào Cai và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng về sau này thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, luôn bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra xung đột do vậy vợ chồng không còn quan tâm đến cuộc sống chung của nhau

nữa. Vì không muốn hạnh phúc gia đình đổ vỡ, nên ông đã nhiều lần tạo điều kiện để hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng kết quả không thành.

Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài. Vì vậy ông xin được ly hôn với bà A để chấm dứt tình trạng hôn nhân hiện nay.

Về con chung: Có một con chung:

Mai Thùy L, sinh ngày: 29/01/2014.

Tháng 12/2020, bà A dẫn theo cháu L đi từ đó đến nay không có liên lạc gì và ông Ngọc cũng không biết con đang ở đâu.

Vì vậy, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung.

Nếu sau này ông biết được thông tin gì về cháu L sống sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung bằng một vụ án khác.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn bà A vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của ông N.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]Về thủ tục tố tụng:

Ông N và bà A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay có đơn xin ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, Tòa án nhân dân thành phố B đã thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét bà A là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân TP. B tỉnh Đồng Nai tổng đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, do đó Tòa án không thu thập được lời khai của bà A và không tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét ông N là nguyên đơn trong vụ án có đơn xin vắng mặt xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Về Nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]Về quan hệ hôn nhân: Ông N và bà A kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo ông Ngọc sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là

do bất đồng quan điểm sống. Ông đã cố gắng nhưng không thể cải thiện được. Vì vậy nay ông làm đơn xin ly hôn với bà Anh để trả tự do cho nhau.

Tòa án đã xác minh ngày 20/5/2021 (biên bản xác minh bút lục số 27, 28), địa phương cung cấp bà A và ông N đăng ký nhân khẩu thường trú tại địa chỉ: tổ 25, KP.4A, phường T, TP. B, tỉnh Đồng Nai nhưng hiện hai vợ chồng đã sống ly thân, ông Ngọc đang sống tại tổ 23, khu phố 4A, T, TP. B, còn bà A không sống tại địa chỉ trên từ tháng 12/2020.

Tòa án đã tổng đạt đầy đủ theo quy định các giấy triệu tập làm việc, thông báo hòa giải để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bà A vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì về việc xin ly hôn của ông Ngọc. Điều đó thể hiện bà đã bỏ mặc và không có thiện chí hàn gắn đoàn tụ. Vì vậy có căn cứ chấp nhận đơn xin ly hôn của ông N.

[2]Về con chung: có 01(một) con chung:
Mai Thùy L, sinh ngày: 29/01/2014.

Tháng 12/2020, bà A dẫn theo cháu L đi từ đó đến nay không có liên lạc gì và ông Ngọc cũng không biết con đang ở đâu.

Việc vậy, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Nếu sau này ông biết được thông tin gì về hai con và có yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác

[3]Về tài sản chung, nợ chung: do không thu thập được lời khai của bà A nên không có cơ sở để xác định tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, và vì ông N không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra để xem xét tại phiên tòa hôm nay. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp và có đơn khởi kiện sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện dân sự khác.

[4]Về án phí HNGĐ-ST: Ông N phải chịu tiền án phí xin ly hôn là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa ông N và bà A

- **Về con chung:** Không đặt ra xem xét

- **Về tài sản chung và nợ chung:** không đặt ra để xem xét.

- **Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** ông N phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng). Được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 007763 ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Biên Hòa.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKSND Tp B;
- Các đương sự;
- Thi hành án;
- Lưu hồ sơ, Vp.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phú

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa